

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: **465/2018/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 562/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2018 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây :

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Anh **Trần Mạnh N**, sinh năm 1971.

- Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1977.

Cùng hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 38 ngõ 266 Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh Trần Mạnh N và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có qua tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 27/01/2000. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Anh Trần Mạnh N và chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Trần Mạnh N và chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung là: Trần Quỳnh A, sinh ngày 16/6/1999 và Trần Hoàng M, sinh ngày 09/6/2005.

- Cháu Trần Quỳnh A đã thành niên, nên ở với ai là tùy cháu, vợ chồng không có ý kiến gì.

- Cháu Trần Hoàng M có nguyện vọng được ở với bố

- Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cháu Trần Hoàng M cho anh Trần Mạnh N trực tiếp chăm nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Hoàng M là 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu M thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung và nhà ở chung : Vợ chồng không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về công nợ: Vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, nhà ở chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về các vấn đề khác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về Lệ phí Tòa án: Anh Trần Mạnh N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Mạnh N và chị Nguyễn Thị Thu H

- **Về con chung:** Anh Trần Mạnh N và chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung là: Trần Quỳnh A, sinh ngày 16/6/1999 và Trần Hoàng M, sinh ngày 09/6/2005.

Cháu Trần Quỳnh A đã thành niên, nên Tòa án không xem xét giải quyết

Giao cháu Trần Hoàng M cho anh Trần Mạnh N trực tiếp chăm nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Hoàng M là 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu M thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Hai bên không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về các vấn đề khác:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Anh Trần Mạnh N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí LHST, được trừ vào tiền dự phí đã nộp theo biên lai số 0008104 ngày 02/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận B;
- UBND phường C, quận B, thành phố Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thu Trang